TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ MỸ
TỈNH BÌNH ĐỊNH
Bản án số: 147/2020/DS- ST
Ngày 16-6-2020.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ MỸ, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Thành.

Các hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Đức Thắng.

+ Ông Nguyễn Hữu Khương.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Đình Toàn, thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

- Kiểm sát viên *viện Kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ tham gia phiên tòa:* Ông Hồ Thái Nguyên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân nhân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 83/2020/TLST-HNGĐ ngày 27/2/2020 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 659/ QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1973.Địa chỉ: Thôn A L 2, xã M H, huyện P M, tỉnh Bình Định (có mặt).

-Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Thành, sinh năm 1977.Địa chỉ: Thôn A L 2, xã M H, huyện P M, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/2/2020 và các trình bày trong quá trình chuẩn bị xét xửnguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc D trình bày: Chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M H, huyện P M, tỉnh Bình Định ngày 04/7/1998. Sau

khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2000 thì xảy ra mâu thuẫn vợ chồng nguyên nhân chính là do vợ chồng sống không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, hay xảy ra cãi cọ, xô xát, anh T thường hay ăn nhậu về chửi bới đánh đập chị D. Chị D nhiều lần khuyên bảo anh T nhưng anh T vẫn tính nào tật ấy, không thay đổi. Nay chị D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng anh chị không còn khả năng hàn gắn, nên yêu cầu Tòa giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về quan hệ con chung: Có 03 người là: 1/ Nguyễn Thành T, sinh năm 1997; 2/ Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 27/10/2001; 3/ Nguyễn Thành T, sinh ngày 26/3/2004. Hai cháu Nguyễn Thành T, Nguyễn Thị Ngọc L đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết, còn cháu Nguyễn Thành T có nguyện vọng ở với ai thì giải quyết theo nguyện vọng của con. Không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn, quan hệ con chung anh Nguyễn Văn T thống nhất như lời trình bày của chị Nguyễn Thị Ngọc D. Vợ chồng sống không có xảy ra mâu thuẫn gì. Nay chị D yêu cầu ly hôn, anh T không đồng ý. Anh T yêu cầu Tòa giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ.

Về quan hệ con chung: Có 03 người là: 1/ Nguyễn Thành T, sinh năm 1997; 2/ Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 27/10/2001; 3/ Nguyễn Thành T, sinh ngày 26/3/2004. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì về con chung, anh T yêu cầu như sau: Đối với hai cháu Nguyễn Thành T, Nguyễn Thị Ngọc L đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Còn cháu Nguyễn Thành T chưa đủ 18 tuổi, anh T yêu cầu được nuôi dưỡng, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì anh T không yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản chung.

- Tại phiên tòa hôm nay: Chị Nguyễn Thị Ngọc D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ

lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đối với nguyên đơn không có gì sai phạm

Về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận cho chị Diệp được ly hôn anh T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành T cho chị D nuôi dưỡng, chị Diệp không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T.

Về quan hệ tài sản chung: Chị D và anh T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về án phí: Chị D phải chịu dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình không có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Anh Nguyễn Văn T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án niêm yết và tống đạt hợp lệ giấy triệu tập đến lần thứ 2, nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử anh Nguyễn Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M H, huyện P M, tỉnh Bình Định ngày 04/7/1998, nên hôn nhân giữa chị D và anh T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không thể khắc phục được và hiện tại vợ chồng đang sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Điều này cho thấy, hôn nhân giữa chị D và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận việc chị Diệp yêu cầu ly hôn anh T là phù hợp. Yêu cầu của anh T xin được đoàn tụ là không có cơ sở, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*[3] Về quan hệ con chung:*Chị D và anh T đều trình bày thống nhất có 03 người là:1.Nguyễn Thành T, sinh năm 1997;2.Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 27/10/2001;3.Nguyễn Thành T, sinh ngày 26/3/2004. Hai cháu Nguyễn Thành T; Nguyễn Thị Ngọc L đã trưởng thành nên chị D và anh T không yêu cầu

Tòa giải quyết. Còn cháu Nguyễn Thành T, sinh ngày 26/3/2004 chị D và anh T đều xin nuôi cháu T. Nhưng xét hiện nay, cháu Nguyễn Thành T xin được sống với chị D, nên giao cháu Nguyễn Thành T cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xét. Vì lợi ích của con chung, chị D và anh T có quyền yêu cầu xin thay đổi người nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định pháp luật. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về quan hệ tài sản: Chị D và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội; chị Nguyễn Thị Ngọc D là nguyên đơn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc D nuôi cháu Nguyễn Thành T, sinh ngày 26/3/2004. Chị Nguyễn Thị Ngọc D không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì lợi ích của con chung chị Nguyễn Thị Ngọc D, anh Nguyễn Văn T có quyền yêu cầu xin thay đổi người nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định pháp luật. Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình không có giá ngạch là 300.000 đồng (*Ba*

trăm nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001111 ngày 27 tháng 2 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định. Chị Nguyễn Thị Ngọc D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phù Mỹ;
- Lưu hồ sơ.

Ngô Văn Thành

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn thành